TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/4/2023
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà*: Bà Hoàng Thị Lan.
- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Xuân Giao
  Bà Nguyễn Thị Mai Linh
- *Thư ký toà án ghi biên bản phiên tòa*: Bà Bùi Thái Bình.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 263/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Đ – Sinh năm 1990

Địa chỉ: tổ A, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, Vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trần Anh T – Sinh năm 1981

Địa chỉ: tổ A, phường P, thành phố H, tỉnh Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Trần Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình vào ngày 13/4/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến đầu năm 2022, anh T hay rượu chè say xỉn và chơi bời. Ngày 17/9/2022, anh T đã dùng vũ lực đe doạ chị Đ. Từ sau hôm đó chị Đ có tâm lý bất ổn, bị hoảng loạn. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20/9/2022 đến nay. Chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn đối với anh Nguyễn Trần Anh T.

- Về con chung: Chị Đ và anh T có 02 con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 11/8/2009 và Nguyễn An V, sinh ngày 02/8/2018. Khi ly hôn, chị Đ có nguyện vọng nuôi cả 02 con và chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Sau khi thụ lý đơn của chị Đ, Tòa án đã tống đạt và niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, tiến hành báo gọi triệu tập đương sự, nhưng anh Nguyễn Trần Anh T liên tục vắng mặt không có lý do. Anh T chỉ gửi cho Toà án 01 văn bản viết tay nêu ý kiến, nội dung như sau:

Tôi là Nguyễn Trần Anh T, sinh năm 1981, trú tại tổ 18, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Tôi viết bản tự khai xin trình bày về quan hệ hôn nhân: tôi và chị Bùi Thị Đ đã tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình từ ngày 13/4/2009. Trong quá trình chung sống, chúng tôi cũng có một chút mâu thuẫn nhỏ nhưng sự việc cũng chưa xảy ra dẫn đến mức ly hôn. Nay chị Đ có yêu cầu ly hôn nhưng tôi không đồng ý. Chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Quang T sinh ngày 11/8/2009 và Nguyễn An V sinh ngày 02/8/2018. Nếu chị Đ cương quyết ly hôn, tôi đồng ý để chị nuôi cả hai con và tôi chưa cấp dưỡng. Tài sản chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có, không yêu cầu tòa án giải quyết. Về án phí, tôi đồng ý để chị Đ nộp tiền án phí.

Tòa án đã tiến hành điều tra xác minh tại địa phương.

Ông Nguyễn Minh Thông - Tổ trưởng tổ 18, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình cung cấp như sau: Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Trần Anh T có hộ khẩu tại tổ 18, phường Phương Lâm do tôi quản lý. Bố đẻ anh T và cũng là bố chồng chị Đ là ông Nguyễn Văn Ngọ, sinh năm 1953. Cụ thể mâu thuẫn vợ chồng của chị Đ và anh T như thế nào ông không rõ. Ông chỉ biết chị Đ làm việc ở Kim Bôi và sinh sống tại đó luôn, thỉnh thoảng mới về nhà chồng ở Hòa Bình. Các giấy tờ Tòa án giao gửi, ông đều có đi cùng cán bộ Tòa để giao giấy tờ nhưng anh T cố tình trốn tránh không gặp, cứ khóa kín cửa, gọi không mở cửa, gọi điện thông báo thì anh T bảo không muốn ly hôn, không nhận giấy tờ gì hết, thích làm thế nào thì làm.

Ông Nguyễn Văn Ngọ cung cấp như sau: Ông là bố đẻ của anh T và bố chồng chị Đ. Vợ chồng chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Trần Anh T kết hôn từ năm 2009, từ sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau cùng với ông tại số nhà 8 đường Nguyễn Trung Trực, tổ 18, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Mẹ T là bà Trần Thị Hậu đã chết từ năm 2014. Ông thấy anh T và chị Đ đã chung sống với nhau êm ấm bình thường, ông không biết việc các con trục trặc thế nào, từ bao giờ, chỉ thấy từ tháng 9/2022 đến nay chị Đ chủ yếu sống ở Kim Bôi, chỉ về đây cuối tuần, cũng không đều đặn, có tuần về tuần không. Bản thân tôi không được chứng kiến các con cãi nhau lần nào, chắc vợ chồng có cãi nhau ở Kim Bôi. Từ đầu năm chị Đ đã đón con thứ 2 là cháu An V và đã chuyển hộ khẩu về huyện Kim Bôi. Ông mong muốn các con chung sống với nhau để nuôi dạy con cái.

Bà Trần Thị Lan cung cấp như sau: Bà là hàng xóm của nhà anh T và chị Đ, từ sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố chồng là ông Nguyễn Văn Ngọ tại số nhà 8 đường Nguyễn Trung Trực. Bà không biết nhiều về mâu thuẫn vợ chồng Đ - T, vì gia đình họ hay đóng cửa trong nhà. Mấy tháng gần đây, cũng ít thấy chị Đ ở nhà, hình như chị Đ đã về quê sinh sống.

Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Do anh T vắng mặt, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa và tiến hành tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ nhất, chị Đ có mặt và tại phiên tòa hôm nay chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân căn cứ thực trạng hôn nhân giữa vợ chồng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, xử cho chị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Trần Anh T.

Về con chung: Giao hai con Nguyễn Quang T, sinh ngày 11/8/2009 và Nguyễn An V, sinh ngày 02/8/2018 cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Chị Bùi Thị Đ chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị Bùi Thị Đ khai không có gì, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: căn cứ quy định Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận chị Bùi Thị Đ tự nguyện nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân gia đình, cụ thể là về việc ly hôn. Đồng thời, bị đơn anh Nguyễn Trần Anh

T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 18, phường Phương Lâm, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hòa Bình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Sau khi đã điều tra xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án :

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Trần Anh T là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Chị Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, do chồng bạo hành khiến chị bị hoảng loạn, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ với nhau. Vợ chồng ly thân không còn sống chung. Nay, chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử xét thực trạng cuộc sống chung vợ chồng chị Đ và anh T, qua kết quả xác minh cho thấy cuộc sống chung tồn tại mâu thuẫn, hai vợ chồng xảy ra cãi vã, xô xát, hiện tại ly thân đã lâu không còn chung sống, không còn quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T hay rượu chè, đánh mắng vợ. Hơn nữa, chị Đ thấy không còn tình cảm với anh T. Từ nhận định trên thấy rằng, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ.

Về con chung: Chị Bùi Thị Đ và anh Nguyễn Trần Anh T có 02 con chung là Nguyễn Quang T, sinh ngày 11/8/2009 và Nguyễn An V, sinh ngày 02/8/2018. Cháu Nguyễn Quang T đã trên 07 tuổi và có bản khai nêu nguyện vọng muốn ở với mẹ. Nguyễn An V, sinh ngày 02/8/2018, còn nhỏ, mới 5 tuổi. Khi ly hôn chị Đ cũng có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Xét, chị Đ hiện có thu nhập, có chỗ ở ổn định. Anh T cố ý không làm việc với Toà án, không đến Tòa án, nhưng có được quan điểm về việc nuôi con, nên xét thấy cần giao hai con cho chị Đ là phù hợp. Về phí tổn nuôi con do chị Đ chưa yêu cầu nên không xem xét. Anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Đ khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị Đ tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, sự tự nguyện phù hợp pháp luật, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Đ ly hôn anh Nguyễn Trần Anh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Quang T, sinh ngày 11/8/2009 và Nguyễn An V, sinh ngày 02/8/2018 cho chị Bùi Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành hoặc có thay đổi khác. Anh Nguyễn Trần Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo luật định.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Đ tự nguyện nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo Biên lai số 0004614 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trần Anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- TAND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- UBND phường Phương Lâm, TPHB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Lan

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**